

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22-6-2022

V/v ly hôn giữa chị T và anh D

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hiền.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Vân Anh

2. Bà Phạm Thị Kim Lệ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tiến D - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09-6-2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1994;

ĐKKHKT tại: Khu phố 6, T, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Số 57/13A đường Đình Tân Khai, khu phố 6, phường B, quận B, Tp. Hồ Chí Minh

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Công D, sinh năm 1991;

ĐKKHKT tại: Thôn C, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị T, anh D vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 20-4-2022, bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Công D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 20-5-2020 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng

Nai. Sau thời gian kết hôn anh chị chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh sống. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị chỉ hạnh phúc được gần đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh D không tu trí làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, khi chị nói thì anh D đánh chị. Chị cảm thấy cuộc sống chung của chị và anh D rất nặng nề, mệt mỏi dẫn đến hạnh phúc gia đình mất dần. Chị và anh D đã chấm dứt quan hệ vợ chồng và sống ly thân từ ngày 30-4-2021 đến nay. Từ thời điểm anh chị sống ly thân đến nay, hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa.

Nay chị T xác định, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, nên không thể kéo dài cuộc hôn nhân này nữa. Vậy chị xin được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung là cháu Đặng Ngọc H, sinh ngày 14-10-2020. Từ thời điểm anh chị sống ly thân thì cháu H được chị nuôi dưỡng, anh D không có trách nhiệm gì với con. Ly hôn, chị nhận được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Hiện nay chị đang là giáo viên tại trường THCS Trần Danh Ninh – quận 8, thành phố Hồ Chí Minh với mức lương là 7.700.000đ/tháng; ngoài ra chị còn kinh doanh thêm và có thu nhập thêm ổn định nên đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu H.

Về tài sản, công nợ và những nội dung khác liên quan: Chị và anh D không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 21-4-2022, anh Đặng Công D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của anh D về thời gian và điều kiện kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hòa thuận, thời gian sống ly thân giống như lời khai của chị T. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo anh D là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, kinh tế khó khăn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh D xác định từ thời điểm vợ chồng sống ly thân, anh và chị T không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Đến thời điểm này anh không còn tình cảm với chị T nữa, nay chị T xin ly hôn anh cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Đặng Ngọc H, sinh ngày 14-10-2020. Từ thời điểm vợ chồng sống ly thân thì cháu H được chị T nuôi dưỡng. Nay ly hôn cũng có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Thời điểm anh và chị T sống ly thân anh không chu cấp được cho con là do chị T không chịu gửi số tài khoản Ngân hàng về để anh gửi tiền vào cho con.

Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Anh và chị T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 01 tháng 6 năm 2022, Ủy ban nhân dân xã L, huyện V cung cấp như sau: Anh Đặng Công D hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn C, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định. Hiện anh D đang sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở thôn C, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Trần Thị T và anh Đặng Công D

- + Về con chung: Giao cháu Đặng Ngọc H, sinh ngày 14-10-2020 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi các con cùng chị T.

- + Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- + Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Đặng Công D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định, do đó Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Đặng Công D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 20-5-2020 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Như vậy, hôn nhân của chị T và anh D là hợp pháp,

được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, kinh tế khó khăn nên hay cãi chửi nhau dẫn đến hạnh phúc gia đình mất dần; anh chị đã sống ly thân từ ngày 30-4-2021 đến nay. Như vậy trong thời gian vợ chồng chung sống chị T và anh D không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, anh chị đã có thời gian sống ly thân từ tháng 4-2021 đến nay. Như vậy, việc này trái với quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân gia đình giữa chị T và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Con chung của anh chị là cháu Đặng Ngọc H, sinh ngày 14-10-2020, từ thời điểm anh chị sống ly thân thì cháu H được chị T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, từ tháng 4-2021 đến nay cháu H đã được chị T nuôi dưỡng tốt; chị T có sức khỏe, có công việc và thu nhập ổn định; mặt khác cháu H dưới 03 tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy giao cháu H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế của đương sự và quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Chị T và anh D đều xác định vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị T và anh Đặng Công D.
2. Về con chung: Giao cháu Đặng Ngọc H, sinh ngày 14-10-202 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được.

Anh Đặng Công D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Trần Thị T.

Anh Đặng Công D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng anh D không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Trần Thị T.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000. Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001437 ngày 21-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ (Chị T đã nộp xong).

4. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T và anh Đặng Công D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hiến